TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29 / 2018 / HS-ST
Ngày: 27 / 4 / 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Phát Huy, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2017, tại Hội trường UBND phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2018/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn T (T H), sinh năm 1991; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khóm A, phường H, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Tấn Đ và bà Lê thị H.

Ngày 05/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp T sản*", đang chấp hành án.

Tiền án:

- Ngày 15/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp T sản"; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2013;

- Ngày 14/5/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp T sản" (T sản bị chiếm đoạt có giá trị 1.162.000 đồng); chấp hành án xong hình phạt tù vào ngày 29/01/2016.

Tiền sự: chưa;

Đang bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt.

2. Trần Thanh H1 (H1 B), sinh năm 1982; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 5, ấp H, xã V, thành phố D, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: tổ 16, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Bé H; có vợ là Đoàn Thị Bé H2 và 01 người con sinh năm 2010;

Ngày 24/02/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" và 01 năm tù về tội "*Gây gối trật tự công cộng*", tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội là 03 năm tù, chấp hành án xong hình phạt tù vào ngày 06/7/2000.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 26/5/2017, bị Công an thành phố Chau Đốc ra quyết định xử phạt vi phạm vi phạm hành chính 1.750.000 đồng về hành vi sử dụng các công cụ khác gây thương tích cho thành viên gia đình, chưa nộp phạt;

Bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2018 cho đến nay; có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Mai Phủ T, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ 19, khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Ông Võ Mộng Kh, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 16, khóm H, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Ông Lê Ngọc Th, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 16, ấp P, xã C, huyện B, tỉnh An Giang. Có mặt.

3. Ông Phan Văn S, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 7, ấp H, xã A, huyện B, tỉnh An Giang. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Hứa Thị G, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 19, khóm M, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Em Nguyễn Thị U, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ 14, khóm T, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Thanh H1 bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 15/9/2017, Nguyễn Tấn T đến uống cà phê tại quán *"Vườn Chuối"* của chị Hứa Thị G (thuộc tổ 19, khóm M, phường V, thành phố D). Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H1 nhìn thấy trước cửa nhà ông Mai Phủ T (cặp vách quán Vườn Chuối) có dựng 01 xe mô tô biển kiểm soát 67E1 - 247.87, không có người trong giữ, xe không khóa cổ, chìa khóa xe được treo trên ổ khóa

cửa nhà, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe. T lén lút đến lấy chìa khóa xe, mở khóa, điều khiển xe đến tổ 16, khóm T, phường N, thành phố D gặp Trần Thanh H1, cho H1 biết xe vừa lấy trộm được và kêu H1 tìm chỗ bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì H1 đồng ý. Đến sáng ngày 16/9/2017, H1 cùng L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đem xe mô tô đến thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bán cho ông Nguyễn Văn Ch với giá 7.100.000 đồng (ông Ch không biết xe mô tô trên do trộm cắp mà có). Số tiền có được H1 mua ma túy 1.000.000 đồng cùng với T, L sử dụng, trả tiền xe honda ôm 350.000 đồng, số tiền còn lại H1 và T chia nhau tiêu xài hết.

Ngày 17/9/2017, ông Ch bán xe mô tô trên lại cho anh Lê Ngọc Th với giá 8.200.000 đồng, sau đó anh Th bán xe mô tô trên lại cho anh Phan Văn S với giá 11.300.000 đồng. Riêng ông T khi phát hiện mất xe đã đến Công an phường Vĩnh Mỹ trình báo. Ngày 16/10/2017, Cơ quan điều tra đã thu hồi xe và trao trả cho ông Mai Phủ T.

Khoảng 15 giờ ngày 20/9/2017, T đi đến công trình Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh An Giang đang xây dựng (thuộc tổ 15, khóm T, phường B, thành phố D) tìm xe mô tô lấy trộm. Tại đây, T phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 68V2 - 3499 của anh Võ Mộng Kh dựng trong công trình, không có người trông giữ, có gắn chìa khóa trong ổ khóa xe. T đi đến lấy trộm điều khiển xe đến gặp Trần Thanh H1, cho biết vừa lấy trộm xe mô tô trên rồi kêu H1 tìm chỗ bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì H1 đồng ý. H1 kêu T để xe mô tô trên tại nơi ở của H1 để hôm sau H1 đem xe vào huyện Tịnh Biên bán. Đến sáng ngày 21/9/2017, H1 bị lực lượng Công an phường Núi Sam phát hiện bắt giữ cùng xe mô tô. Riêng anh Kha khi phát hiện mất xe đến Công an phường Châu Phú B trình báo.

Trong quá trình điều tra, T còn khai nhận: Ngày 28/8/2017, tại khu vực khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, T lấy trộm 01 xe mô tô 67D1 - 093.73 đưa cho H1 bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chia nhau tiêu xài. H1 không thừa nhận việc tiêu thụ xe mô tô này. Khoảng tháng 9/2017, tại Khu dân cư khóm 8, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, T lấy trộm 01 xe mô tô hiệu wave màu xanh, không rõ biển số, đem vào phường Núi Sam bán cho một người đàn ông lạ mặt (không rõ họ tên, địa chỉ) được 400.000 đồng, mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô Wave S màu đỏ xám, biển kiểm soát 67E1 - 247.87 cùng giấy đăng ký xe mang tên Mai Phủ T (đã trao trả cho ông Mai Phủ T);

- 01 xe mô tô Wave S 110 màu xanh xám đen, biển kiểm soát 68V2 - 3499 (đã trao trả cho anh Võ Mộng Kh).

Căn cứ kết luận định giá T sản số 181, 210 ngày 02/10/2017 và 27/10/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại wave S, màu sơn đỏ-xám, biển số 67E1 - 247.87, trị giá: 8.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô loại Wave màu xanh - xám - đen, nhãn hiệu Honda, biển số 68V2 - 3499, trị giá: 8.000.000 đồng.

Ngày 05/12/2017 T bị khởi tố, ngày 17/01/2018 H1 bị khởi tố. Đến ngày 23/01/2018, H1 bị bắt tạm giam để điều tra. T bị tạm giam trong vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-CĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội "*Trộm cắp T sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Trần Thanh H1 về tội "*Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Thanh H1 khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại ông Mai Phủ T đã nhận lại T sản nên không có yêu cầu gì. Riêng ông Võ Mộng Kh vắng mặt có lời khai đã nhận lại T sản bị mất và không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Văn Ch xác định có mua chiếc xe Honda, loại wave S, màu sơn đỏ-xám, biển số 67E1 - 247.87 của H1 với giá 7.100.000 đồng, sau đó bán lại cho ông Lê Ngọc Th 8.200.000 đồng. Ông Th xác định sau khi mua xe của ông Ch, ông có sửa S lại, sau đó bán cho ông Phan Văn S 11.300.000 đồng. Khi mua bán xe, các ông Ch, Th, S không biết xe do phạm tội mà có, do đó sau khi công an thu hồi xe của ông S trả lại cho người bị hại, ông Ch đã trả lại cho ông Th 8.200.000 đồng, ông Th trả lại cho ông S 11.300.000 đồng. Nay ông Ch yêu cầu các bị cáo trả lại cho ông 6.000.000 đồng, ông Th yêu cầu các bị cáo trả lại cho ông 2.500.000 đồng (tiền sửa chữa xe).

Bị cáo T và bị cáo H1 chấp nhận trả cho ông Ch 6.000.000 đồng, trả cho ông Th 2.500.000 đồng.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Trước hết đối với bị cáo Nguyễn Tấn T là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc nào đúng, việc nào sai. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp T sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng sơ hở của người bị hại trong lúc để xe có cắm sẵn chìa khóa xe trong ổ khóa và không có người trông giữ, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 67E1 - 247.87, trị giá 8.000.000 đồng của ông Mai Phủ T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 68V2 - 3499, trị giá 8.000.000 đồng của anh Võ Mộng Kh. Sau đó, bị cáo điều khiển xe vừa lấy trộm được đưa cho Trần Thanh H1 đem bán, số tiền có được cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Do đó,

bị cáo pH1 chịu trách nhiệm về tổng giá trị T sản trộm cắp được với số tiền **16.000.000** đồng, với tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên.

Đối với bị cáo Trần Thanh H1 là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Mặc dù bị cáo không hứa hẹn trước và biết rõ cả 02 xe mô tô do T đem đến đều là T sản do T trộm cắp mà có. Song bị cáo H1 không trình báo cơ quan chức năng để xử lý mà còn đồng ý điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67E1 - 247.87 do T trộm cắp mà có đến thị trấn Tịnh Biên bán cho Nguyễn Văn Ch với giá 7.100.000 đồng. Số tiền bán xe mô tô do T trộm cắp mà có, H1 mua ma túy sử dụng và cùng với T chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Riêng đối với xe mô tô biển kiểm soát 68V2-3499 H1 cất giấu tại nơi ở, chưa kịp đem đi tiêu thụ thì bị Công an phường Núi Sam phát hiện, bắt quả tang. Vì nguyên nhân khách quan mà bị cáo H1 chưa bán được T sản. Nhưng hành vi của bị cáo H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có". Do đó, bị cáo pH1 chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu T sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an chung ở địa phương. Xét về nhân thân của bị cáo T: Ngày 14/5/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội *"Trộm cắp T sản"* (giá trị T sản chiếm đoạt 1.162.000 đồng), đến ngày 29/01/2016 chấp hành xong hình phạt tù. Bị can T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tình tiết tăng nặng "*tái phạm*" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với nhân thân bị cáo Trần Thanh H1: Ngày 26/5/2017, bị Công an thành phố Châu Đốc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.750.000 đồng về hành vi sử dụng các dụng cụ khác gây thương tích cho thành viên gia đình, chưa nộp phạt. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Song, khi lượng hình đối với các bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết sau để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự. Đó là:

Quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS).

Hành vi của Nguyễn Tấn T và Trần Thanh Hải đã phạm tội *"Trộm cắp T sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 138 và tội *"Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có"* quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 hướng dẫn các quy định có lợi cho người phạm tội nên hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn T được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần

Thanh Hải phạm tội *"Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có"* được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đề nghị xử lý:

1/ Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án từ: 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù, về tội "Tr*ộm cắp T sản*". Tổng hợp hình phạt với bản án số 25 ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, tuyên phạt bị cáo 1 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo pH1 chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 3 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 06/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo Trần Thanh H1 mức án từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Về tội "*Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có*".

2/ Về xử lý vật chứng:

Vật chứng đã trả lại cho bị hại, không đề cập giải quyết.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Mai Phủ T, Võ Mộng Kh đã nhận lại T sản bị mất trộm. không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

- Tại phiên tòa, ông Ch chấp nhận bị cáo T, bị cáo H1 bồi thường 6.000.000 đồng, ông Th chấp nhận bị cáo T, H1 bồi thường 2.500.000 đồng nên buộc bị cáo T, bị cáo H1 cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Ch 6.000.000 đồng, ông Th 2.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người bị hại ông Võ Mộng Kh; người làm chứng em Nguyễn Thị U đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn T khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 15/9/2017, bị cáo đến uống cà phê tại quán *"Vườn Chuối"*. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo nhìn thấy trước cửa nhà ông Mai Phủ T (cặp vách quán Vườn Chuối) có dựng 01 xe mô tô biển kiểm soát 67E1 - 247.87, không có người trông giữ, xe không khóa cổ, chìa khóa xe được treo trên ổ khóa cửa nhà, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe. Bị cáo lén lút đến lấy chìa khóa xe, mở khóa, điều khiển xe đến gặp bị cáo H1, cho H1 biết xe vừa lấy trộm được và kêu H1 tìm chỗ bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì H1 đồng ý. Đến sáng ngày 16/9/2017 H1 đi bán xe, sau đó về đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ ngày 20/9/2017, bị cáo T đi đến công trình Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh An Giang đang xây dựng tìm xe mô tô lấy trộm. Tại đây, bị cáo phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 68V2 - 3499 của anh Võ Mộng Kh dựng trong công trình, không có người trông giữ, có gắn chìa khóa trong ổ khóa xe. Bị cáo đi đến lấy xe và điều khiển xe đến gặp H1, cho biết vừa lấy trộm xe mô tô trên rồi kêu H1 tìm chỗ bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì H1 đồng ý. H1 kêu bị cáo để xe mô tô trên tại nơi ở của H1 để hôm sau H1 đem xe vào huyện Tịnh Biên bán. Đến sáng ngày 21/9/2017, H1 bị lực lượng Công an phường Núi Sam phát hiện bắt giữ cùng xe mô tô.

[4] Bị cáo H1 xác định ngày 15/9/2017 bị cáo T có đem xe honda biển kiểm soát 67E1 - 247.87 đến gặp bị cáo H1 nói mới lấy trộm được và kêu bị cáo H1 đi bán lấy tiền xài. Qua ngày hôm sau bị cáo H1 chạy xe vào Tịnh Biên bán cho ông Ch giá 7.100.000 đồng, bị cáo về đưa cho T 5.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo mua ma túy sử dụng và tiêu xài. Đến ngày 20/9/2017, T tiếp tục đem xe mô tô biển kiểm soát 68V2 – 3499 đến nói mới lấy trộm được và kêu H1 đi bán. Bị cáo kêu T để xe ở nhà bị cáo H1, sáng mai H1 đi bán. Tuy nhiên sáng hôm sau H1 bị công an lập biên bản thu hồi xe.

[5] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường vụ trộm cắp xảy ra ngày 15/9/2017 do Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc lập; Giấy mua bán xe của Lê Ngọc Th bán cho Phan Văn S giá 11.300.000 đồng; Giấy mua bán xe của Trần Thanh H1 bán cho Nguyễn Văn Ch giá 7.100.000 đồng; lời khai của người làm chứng Nguyễn Thành Út và Hứa Thị G.

[6] Theo kết luận định giá T sản số 181/KL-ĐG ngày 02/10/2017 và số 210/KL-ĐG ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự thành phố Châu Đốc, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại wave S, màu sơn đỏ-xám, biển số 67E1 - 247.87, trị giá: 8.000.000 đồng; 01 xe mô tô loại Wave màu xanh - xám - đen, nhãn hiệu Honda, biển số 68V2 - 3499, trị giá: 8.000.000 đồng.

[7] Xét thấy, bị cáo T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt xe mô tô của ông Võ Mộng Kh, ông Mai Phủ T là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, giá trị T sản trộm tổng cộng là 16.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo

T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp T sản" được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, hành vi phạm tội nên áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo. Hành vi trên của bị cáo đã vi phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, xét xử bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự 2015.

[8] Đối với bị cáo H1, mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng bị cáo H1 biết 2 xe mô tô mà bị cáo T nhờ bán dùm là do phạm tội mà có, nhưng bị cáo vẫn nhận T sản và đi bán cho người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước. Vì vậy, hành vi của bị cáo H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[9] Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo T về tội trộm cắp T sản; bị cáo H1 về tội tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có là hoàn toàn có căn cứ.

[10] *Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự*

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo T, bị cáo H1 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo. Do đó áp dụng cho các bị các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo T: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp T sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2013; Ngày 14/5/2015 tiếp tục bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp T sản", chấp hành án xong hình phạt tù vào ngày 29/01/2016. Bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới do lỗi cố ý, nên bị cáo pH1 chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo 2 lần thực hiện trộm xe của ông T và ông Kha, nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

+ Đối với bị cáo H1, bị cáo đã 2 lần nhận T sản của bị cáo T để bán cho người khác, khi nhận T sản, bị cáo đều biết rõ T sản này do bị cáo T phạm tội mà có, nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[11] T sản hợp pháp của công dân pH1 qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu T sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người

khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế T nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Các bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, pH1 cố gắng lao động để tạo lập T sản chính đáng cho bản thân, nhưng không, các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt T sản của người khác để tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi mà các bị cáo thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[12] Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[13] Về tổng hợp hình phạt: Do bản án số 26/2018/HS-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang chưa có hiệu lực thi hành nên không tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn T trong bản án này.

[14] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Mai Phủ T, Võ Mộng Kh đã nhận lại T sản, không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

- Ông Ch yêu cầu các bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng, ông Th yêu cầu các bị cáo bồi thường 2.500.000 đồng. Các bị cáo T, H1 chấp nhận bồi thuời theo yêu cầu của ông Ch, ông Thào. Do đó buộc bị cáo T, bị cáo H1 cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Ch 6.000.000 đồng, ông Th 2.500.000 đồng.

[15] Đối với Nguyễn Văn Ch, Lê Ngọc Th, Phan Văn S khi mua bán xe mô tô biển kiểm soát 67E1 - 247.87 không biết xe do T trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Riêng đối tượng L (không rõ họ và địa chỉ), Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[16] Về án phí:

Các bị cáo T, H1 mỗi bị cáo pH1 chịu *200.000 đồng* án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo T, H1 cùng pH1 chịu 425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội "*Trộm cắp T sản*";

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Tấn T: *01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù*;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính vào hình phạt chung khi bản án được tổng hợp với các bản án khác.

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh H1 phạm tội "*Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Trần Thanh H1: 9 *(chín) tháng tù*;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 23/01/2018

Áp dụng các Điều 288, 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Thanh H1 cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn Ch số tiền 6.000.000 đồng, ông Lê Ngọc Th 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên pH1 thi hành án còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 135, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Thanh H1 mỗi bị cáo pH1 chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T, H1 cùng chịu 425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo T, H1 và các đương sự có mặt (T, Ch, Th, S) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Kha là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lư Thị Châu Ngọc